TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL,** **TỈNH ĐẮKNÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09/3/2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Chấn

2. Bà Hoàng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 316/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H *(Có mặt)*, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Anh Lê Đăng T *(Vắng mặt)*, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị Nguyễn Thị H (nguyên đơn) trình bày: Chị H và anh Lê Đăng T kết hôn

với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Hôn nhân giữa chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Trong thời gian chung sống, chi H và anh T có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Chấn P, sinh ngày 08/10/2015. Hiện cháu P đang chung sống cùng với chị H và anh T.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Chị H và anh T không có tài sản gì, không nợ ai.

Về mâu thuận vợ chồng: Thời gian đầu mới kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn; vơ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, hay cãi nhau, anh T đã nhiều lần đánh đập, bạo hành gây thương tích cho chị H, gần đây vợ chồng cãi nhau anh T còn đẩy ngã chị H làm chị H bị gẫy chân phải đi bệnh viện. Hiện vợ chồng còn chung sống cùng nhà nhưng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị H có công việc ổn định và có chỗ ở hợp pháp đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi con.

Quan điểm, nguyện vọng về giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H xin được ly hôn với anh Lê Đăng T

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Chấn P, sinh ngày 08/10/2015 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng tư thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

- *Đối với anh Lê Đặng T (bị đơn):* trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập, thông báo về phiên hòa giải đoàn tụ, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải cho anh Lê Đăng T, mặc dù đã biết được các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt nhưng anh T vẫn vắng mặt mà không có lý do trong tất cả các lần triệu tập, phiên họp và hòa giải, xét xử tại Tòa án. Do anh T vắng mặt nên không có lời khai cũng như không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh T phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào

quy định tại Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Đăng T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Chấn P, sinh ngày 08/10/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Lê Đăng T, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (anh Lê Đăng T) có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]1.3. Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Lê Đăng T (bị đơn) đã được Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil triệu tập hợp lệ đến 02 lần (tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) để tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt mà không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[4]2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thi H và anh Lê Đăng T kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau, thậm chí nhiều lần anh T còn bạo hành, đánh chị H, gây thương tích cho chị H, giữa các bên không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc với nhau nữa, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn,

không còn khả năng đoàn tụ. Chị H cũng thừa nhận không còn tình cảm với anh T, không muốn tiếp tục chung sống với anh T và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân không đạt được mục đích; mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân giữa chị H và anh T thật sự không đạt được mục đích. Do đó, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[5]2.2 Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Chấn P, sinh ngày 08/10/2015 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của các con chưa thành niên.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Hiện cháu Lê Nguyễn Chấn P, sinh ngày 08/10/2015 đang ở cùng với chị H và anh T; qua biên bản ghi nhận lời khai của cháu Lê Nguyễn Chấn P, sinh ngày 08/10/2015 thì cháu P có nguyện vọng được ở cùng với chị Nguyễn Thị H, cháu P hiện còn nhỏ cũng rất cần sự chăm sóc của người mẹ; chị H hiện có chỗ ở hợp pháp, có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con nên cần giao cháu Lê Nguyễn Chấn P cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

[6]2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] 2.4 Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng không có tài sản gì chung; trong thời gian chung sống, không vay mượn của ai hay cho ai vay mượn tài sản gì và các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[8]**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9]Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Lê Đăng T về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Đăng T (chấm dứt quan hệ hôn nhân).

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Chấn P, sinh ngày 08/10/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các con.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006994 ngày 23/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Đ, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng